| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN B**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Quận B, ngày 14 tháng 02 năm 2020* |

Số: **23**/2020/QĐST-HNGĐ

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **23**/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/02/2020,về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*–Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Chu Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A ngách B đường T, Tổ dân phố T2, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A ngõ B, Tổ dân phố T, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm:* Anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/8/2008 tại UBND xã T, huyện Từ L (Nay là phường T, quận B), TP. Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ TDP T2, phường T, quận B, TP. Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Anh – chị đã cố gắng hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh T – chị T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung: Chu Thị Mai H, sinh ngày 12/01/2010. Ly hôn, anh - chị thống nhất thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi con. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Xét

việc thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, vì vậy cần được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Không có nên không xét.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên không xét.

[5] *Về lệ phí dân sự sơ thẩm:* Anh Chu Văn T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/02/2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1/** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, giao con chung Chu Thị Mai H, sinh ngày 12/01/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà – đất chung: Không có nên không xét.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không xét.

**2/ Về lệ phí:** Anh Chu Văn T tự nguyện chịu cả 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số AB/2015/0003369ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Quang Hậu**